**CÂU HỎI DÚNG -SAI**

**KHAI THÁC THẾ MẠNH Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

 Trung du và miền núi Bắc Bộ là địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng, môi trường của cả nước. Ở đây có thiên nhiên phân hóa đa dạng, có nhiều dân tộc cùng sinh sống.

 **a)** Trung du và miền núi Bắc Bộ tiếp giáp hai nước Lào và Campuchia. (Sai)

 **b)** Các dân tộc ở Trung du và miền núi Bắc Bộ sống xen kẽ nhau, có nhiều nét văn hóa độc đáo, kinh nghiệm sản xuất phong phú. (Đúng)

 **c)** Trung du và miền núi Bắc Bộ có mật độ dân số cao, diện tích lớn gây khó khăn cho phân bố sản xuất và thu hút đầu tư. (Sai)

 **d)** Trung du và miền núi Bắc Bộ có vùng biển giàu tiềm năng cho phát triển các ngành kinh tế biển và thúc đẩy phát triển nền kinh tế mở. (Sai)

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có diện tích lãnh thổ lớn ở nước ta. Vùng có địa hình đa dạng, phức tạp, gồm các dãy núi cao, điển hình là dãy Hoàng Liên Sơn. Đất fe-ra-lit chiếm diện tích lớn. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình. Điều này đã tạo nên thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế khác nhau như: trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn.

**a)** Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn ở nước ta. (Đúng)

**b)** Vùng có thế mạnh để phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.(Đúng)

**c)** Sự phân hóa địa hình, đất, khí hậu là cơ sở để đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp.(Đúng)

**d)** Cây chè phát triển mạnh trong vùng chủ yếu do lãnh thổ rộng, diện tích đất fe-ra-lit lớn. (Sai)

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

 Trung du và miền núi Bắc Bộ giàu tài nguyên khoáng sản nhất nước ta. Một số loại khoáng sản có trữ lượng tương đối lớn, có khả năng khai thác với quy mô công nghiệp như than ở Lạng Sơn, Thái Nguyên; sắt ở Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang; đồng ở Sơn La, Bắc Giang; đồng - vàng ở Lào Cai, apatit ở Lào Cai…

**a)** Apatit ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là khoáng sản quan trọng để sản xuất phân lân. (Đúng)

**b)** Than có trữ lượng lớn là nguồn nguyên, nhiên liệu quan trọng cho công nghiệp và xuất khẩu. (Đúng)

**c)** Việc khai thác khoáng sản đòi hỏi chi phí cao, khoa học công nghệ hiện đại gây khó khăn cho quá trình khai thác. (Đúng)

 **d)** Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là tăng cường thăm dò, khai thác triệt để các mỏ đã phát hiện. (Sai)

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Số lượng trâu của vùng trung du miền núi Bắc Bộ và cả nước giai đoạn 2018 - 2023**

*(Đơn vị: Nghìn con)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2018** | **2019** | **2020** | **2023** |
| Trung du và miền núi phía Bắc | 1391,2 | 1332,4 | 1293,9 | 1195,5 |
| Cả nước | 2486,9 | 2388,8 | 2332,8 | 2136,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê năm 2024)*

**a)** Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện quy mô đàn trâu của Trung du và miền núi Bắc Bộ so với cả nước. (Đúng)

**b)** Đàn trâu của vùng chiếm tỉ lệ cao trong cả nước. (Đúng)

**c)** Vùng nuôi nhiều trâu vì đáp ứng nhu cầu của thị trường tiêu thụ. (Sai)

**d)** Giải pháp chủ yếu phát triển nuôi trâu theo hướng sản xuất hàng hóa là phát triển vùng chăn nuôi tập trung, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi gắn với công nghiệp chế biến. (Đúng)

**Câu 5.** Cho thông tin sau:

Công nghiệp khai khoáng phát triển từ lâu đời, là thế mạnh nổi bật của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, bao gồm công nghiệp khai thác quặng kim loại và phi kim, khai thác than, khai thác đá các loại.

**a)** Đá vôi để sản xuất vật liệu xây dựng tập trung nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ. (Đúng)

**b)** Hạn chế của công nghiệp khai khoáng của Trung du và miền núi Bắc Bộ là thiếu vốn, công nghệ, giao thông hạn chế. (Đúng)

**c)** Công nghiệp khai khoáng là tiền đề quan trọng nhất cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ. (Sai)

**d)** Phát triển công nghiệp khai khoáng góp phần tạo hàng hóa, tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân của vùng. (Đúng)

**Câu 6.** Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ là một địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; cửa ngõ phía Tây và phía Bắc của quốc gia. Đồng thời, đây cũng là vùng có nhiều tiềm năng, lợi thế cho phát triển bền vững với nhiều loại tài nguyên, khoáng sản quý, hiếm, và diện tích đồi rừng rộng lớn, cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp với nhiều di sản văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số để phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái của cả vùng Bắc Bộ.

**a)** Trung du miền núi Bắc Bộ có đường biên giới dài tiếp giáp với 2 quốc gia là Trung Quốc và Lào. (Đúng)

**b)** Trung du miền núi Bắc Bộ có tiềm năng lớn trong phát triển du lịch, bao gồm cả du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn. (Đúng)

**c)** Kinh tế - xã hội của Trung du và miền núi Bắc Bộ còn chậm phát triển chủ yếu do diện tích quá lớn gây khó khăn trong đầu tư. (Sai)

**d)** Việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ sẽ gây khó khăn lớn cho việc bảo tồn những di sản văn hóa đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số. (Sai)

**Câu 7.** Cho thông tin sau:

Than được khai thác ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là nhiên liệu cho công nghiệp sản xuất điện và các ngành công nghiệp khác. Trong vùng có một số nhà máy nhiệt điện than như Na Dương (Lạng Sơn) công suất 110 MW, Sơn Động (Bắc Giang) công suất 220 MW, An Khánh (Thái Nguyên) công suất 120 MW. Các sản phẩm của công nghiệp chế biến khoáng sản nổi bật là xi măng, phân bón,...

 **a)** Khoáng sản nhiên liệu quan trọng của Trung du và miền núi Bắc Bộ là dầu khí. (Sai)

 **b)** Mục đích chủ yếu của việc đẩy mạnh khai thác than ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là tạo nguồn hàng xuất khẩu và nhiên liệu cho công nghiệp. (Đúng)

 **c)** Giải pháp nhằm khai thác hiệu quả tài nguyên khoáng sản là đầu tư thiết bị hiện đại, thu hút đầu tư, tăng chất lượng lao động. (Đúng)

 **d)** Để phát triển công nghiệp khai khoáng bền vững cần tăng cường vốn, đổi mới công nghệ, đẩy mạnh chế biến, bảo vệ môi trường. (Đúng)

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

 Đồng bằng sông Hồng là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học - công nghệ của cả nước. Vùng có nhiều thành phố, trong đó có Hà Nội là thủ đô. Vùng tiếp giáp nước láng giềng Trung Quốc; giáp Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung.

 **a)** Đồng bằng sông Hồng nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Bắc. (Đúng)

 **b)** Đường biên giới giáp với Trung Quốc có các cửa khẩu giúp Đồng bằng sông Hồng thuận lợi giao lưu kinh tế. (Đúng)

 **c)** Đồng bằng sông Hồng giáp Trung du và miền núi Bắc Bộ nên thuận lợi để mở rộng thị trường tiêu thụ, là nơi cung cấp cho vùng tài nguyên, năng lượng dồi dào. (Đúng)

 **d)** Đồng bằng sông Hồng là trung tâm kinh tế - văn hóa, chính trị của cả nước nên vùng nhận được đầu tư lớn, cơ sở vật chất và hạ tầng phát triển hiện đại. (Đúng)

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Phần lớn diện tích của Đồng bằng sông Hồng được bồi đắp bởi hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình, tạo nên nền đất phù sa màu mỡ. Đây là điều kiện lý tưởng cho sản xuất lương thực, thực phẩm, trồng cây ăn quả và phát triển thâm canh lúa nước, rau đậu, cây công nghiệp hàng năm. Khu vực ven biển có địa hình đa dạng với nhiều vũng, vịnh, cùng hệ thống đảo, quần đảo như Vân Đồn, Cát Bà, Cô Tô, Bạch Long Vĩ. Vùng biển này có tiềm năng to lớn cho phát triển du lịch, thủy sản, giao thông vận tải biển. Nhìn chung, địa hình và đất đai ở Đồng bằng sông Hồng mang lại nhiều lợi thế cho sự phát triển kinh tế đa dạng, đặc biệt là nông nghiệp, du lịch và khai thác tài nguyên biển.

**a)** Đồng bằng sông Hồng được bồi đắp chủ yếu bởi hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình. (Đúng)

**b)** Đất phù sa màu mỡ thuận lợi cho phát triển lâm nghiệp và thủy sản.(Sai)

**c)** Khu vực ven biển thuận lợi cho phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.(Đúng)

**d)** Đất đai là yếu tố quyết định sự đa dạng cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng.(Sai)

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng có địa hình tương đối bằng phẳng, thuận lợi để phát triển và phân bố sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng. Đất nông nghiệp chủ yếu là đất phù sa màu mỡ thuận lợi để thâm canh lúa nước, trồng rau đậu và các cây công nghiệp hàng năm.

**a)** Đất ở Đồng bằng sông Hồng có đất phù sa ở trong đê màu mỡ và đất ngoài đê bạc màu. (Sai)

**b)** Phát triển thâm canh trong nông nghiệp do vùng ít có khả năng mở rộng diện tích sản xuất. (Đúng)

**c)** Đất đai của Đồng bằng sông Hồng màu mỡ chủ yếu do được bồi đắp bởi hai hệ thống sông lớn là sông Hồng và sông Thái Bình. (Đúng)

**d)** Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao chủ yếu do trình độ thâm canh cao. (Đúng)

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Ở vùng Đồng bằng sông Hồng, công nghiệp là ngành kinh tế phát triển sớm và có vai trò quan trọng. Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng cao và tăng nhanh, chiếm trên 37% so với cả nước vào năm 2021. Công nghiệp của vùng đóng góp ngày càng lớn vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước.

**a)** Công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng chiếm tỉ trọng lớn hàng đầu cả nước. (Đúng)

**b)** Công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng có lịch sử phát triển lâu đời, có Hà Nội là trung tâm công nghiệp lớn bậc nhất cả nước. (Đúng)

**c)** Trong những năm gần đây, vùng Đồng bằng sông Hồng đẩy mạnh khai thác than nâu và khí tự nhiên để phát triển nhiệt điện. (Sai)

**d)** Khoáng sản kim loại ở vùng Đồng bằng sông Hồng có trữ lượng lớn và có vai trò quan trọng nhất để phát triển công nghiệp của vùng. (Sai)

**Câu 5.** Cho thông tin sau:

 Đồng bằng sông Hồng có địa hình đồi núi ở phía bắc, rìa phía tây và tây nam, với đất feralit thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả. Vùng biển Quảng Ninh, Hải Phòng có nhiều đảo, quần đảo với cảnh quan đa dạng, thuận lợi để phát triển du lịch. Khu vực ven biển có diện tích mặt nước khá lớn thuận lợi cho nuôi trồng thuỷ sản.

 **a)** Cây công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng chủ yếu là cây lâu năm. (Sai)

 **b)** Vùng biển rộng, giàu tiềm năng thuận lợi cho Đồng bằng sông Hồng phát triển kinh tế biển. (Đúng)

 **c)** Đồng bằng sông Hồng phát triển các vùng trồng cây ăn quả tập trung chủ yếu do sản xuất hàng hóa, đáp ứng thị trường. (Đúng)

 **d)** Giải pháp để nâng cao giá trị cây ăn quả ở Đồng bằng sông Hồng là tăng chuyên canh, gắn với thị trường tiêu thụ. (Đúng)

**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THUỶ SẢN Ở BẮC TRUNG BỘ**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

 Bắc Trung Bộ giáp với một số vùng kinh tế của nước ta và nước láng giềng Lào. Vị trí địa lí Bắc Trung Bộ thuận lợi cho việc kết nối giữa các tỉnh phía bắc với các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, nằm trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây của tiểu vùng sông Mê Công, là cửa ngõ ra biển của các nước láng giềng.

 **a)** Bắc Trung Bộ tiếp giáp với Tây Nguyên ở phía Nam và Đồng bằng sông Hồng ở phía Bắc. (Sai)

 **b)** Tất cả các tỉnh của Bắc Trung Bộ đều giáp biển thuận lợi cho phát triển kinh tế biển. (Đúng)

 **c)** Với vị trí địa lí đặc biệt nên Bắc Trung Bộ là cửa ngõ ra biển cho một số nước trong khu vực. (Đúng)

 **d)** Khó khăn chủ yếu về tự nhiên do vị trí mang lại cho Bắc Trung Bộ là có nhiều thiên tai, gây thiệt hại lớn. (Đúng)

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

 Bắc Trung Bộ có nhiều dân tộc sinh sống như: Kinh, Thái, Mường, Bru Vân Kiều, Tà Ôi....Người dân có truyền thống lao động cần cù, có nhiều kinh nghiệm sản xuất, chinh phục và thích ứng với thiên nhiên, đặc biệt trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

 **a)** Bắc Trung Bộ có nhiều dân tộc sinh sống nhất cả nước, lực lượng lao động dồi dào. (sai)

 **b)** Hạn chế về tự nhiên với việc phát triển của vùng là có nhiều thiên tai. (Đúng)

 **c)** Vấn đề không phải khó khăn đối với phát triển các ngành nông - lâm - ngư nghiệp của Bắc Trung Bộ là thiếu lao động. (Đúng)

 **d)** Các dân tộc cùng chung sống với nhiều nét văn hóa khác nhau là điều kiện thuận lợi cho ngành du lịch phát triển. (Đúng)

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ là khu vực có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, phân hóa theo địa hình. Tuy nhiên so với Trung du và miền núi Bắc Bộ và Đồng bằng sông Hồng thì mùa đông ở đây không có đủ 3 tháng nhiệt độ trung bình dưới 180C.

**a)** Khí hậu Bắc Trung Bộ có 2 mùa chính là mùa đông và mùa hạ. (Đúng)

**b)** Biên độ nhiệt độ năm của Bắc Trung Bộ thấp hơn so với Đông Nam Bộ. (Sai)

**c)** Cơ cấu mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp có sự thay đổi theo mùa. (Đúng)

**d)** Khí hậu phân hóa theo mùa chủ yếu là do gió mùa và vị trí địa lí. (Đúng)

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

 Lãnh thổ Bắc Trung Bộ kéo dài từ bắc xuống nam và hẹp ngang theo chiều đông tây, với trên 70% diện tích là đồi núi. Từ tây sang đông, có 3 dạng địa hình khá phổ biến: đồi núi ở phía tây, đồng bằng chuyển tiếp, biển, thềm lục địa và các đảo ở phía đông, tạo thuận lợi để Bắc Trung Bộ hình thành cơ cấu kinh tế lâm nghiệp, nông nghiệp và thuỷ sản.

 **a)** Tất cả các tỉnh Bắc Trung Bộ đều có đồi núi phía tây, đồng bằng ở giữa, vùng biển phía đông. (Đúng)

 **b)** Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là cơ cấu chung của các tỉnh trong vùng. (Đúng)

 **c)** Việc hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là tạo mặt hàng xuất khẩu chủ lực cho vùng. (Sai)

 **d)** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là thiên nhiên phân hóa theo đông - tây. (Đúng)

**Câu 5.** Cho thông tin sau:

 Khu vực đồi núi của Bắc Trung Bộ có đất feralit khá màu mỡ, là điều kiện phát triển sản xuất lâm nghiệp, hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi gia súc. Dải đồng bằng ven biển chủ yếu là đất cát pha, thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp hàng năm.

 **a)** Đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ thuận lợi để phát triển các cây công nghiệp nhiệt đới lâu năm. (Sai)

 **b)** Việc hình thành các vùng trồng trọt với sản phẩm khác nhau từ phía tây sang phía đông của Bắc Trung Bộ chủ yếu do sự thay đổi của khí hậu. (Sai)

 **c)** Rùng ở vùng đổi núi phía tây của Bắc Trung Bộ chủ yếu là rừng phòng hộ, có vai trò quan trọng trong hạn chế thiên tai. (Đúng)

 **d)** Hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở vùng đồi nhằm khai thác tốt thế mạnh, tạo nhiều sản phẩm hàng hóa. (Đúng)

**Câu 6.** Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ có dải đồng bằng ven biển với đất phù sa, đất cát phù hợp trồng cây công nghiệp hàng năm và cây lương thực. Khu vực gò đồi có diện tích tương đối rộng, thuận lợi cho chăn nuôi gia súc lớn; một số nơi có đất badan khá màu mỡ, tạo điều kiện phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và trồng rừng. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và phân hoá theo độ cao địa hình thuận lợi cho phát triển các cây trồng nhiệt đới, cận nhiệt đới.

**a)** Khu vực đồi núi thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và chăn nuôi (Đúng)

**b)** Việc sản xuất các nông sản nhiệt đới, cận nhiệt đới chủ yếu là do sự đa dạng của địa hình. (Sai)

**c)** Các mô hình kinh tế phù hợp với điều kiện tự nhiên và góp phần phát triển bền vững là nông - lâm - ngư kết hợp. (Đúng)

**d)** Cơ cấu cây công nghiệp thích hợp với địa hình, đất đai và khí hậu là cà phê, cao su, hồ tiêu, chè, lạc, mía,... (Đúng)

**Câu 7.** Cho thông tin sau:

 Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, có sự phân hoá giữa các khu vực phía đông và khu vực phía tây cho phép Bắc Trung Bộ phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu sản phẩm đa dạng.

 **a)** Bắc Trung Bộ có khả năng phát triển cả nông sản nhiệt đới và cận nhiệt. (Đúng)

 **b)** Cây chè được trồng nhiều ở vùng đồi núi phía tây chủ yếu do khí hậu có một mùa đông lạnh, phân hóa theo độ cao địa hình. (Đúng)

 **c)** Giải pháp phát triển các cây công nghiệp theo hướng hàng hóa là sản xuất tập trung, gắn với chế biến, mở rộng thị trường. (Đúng)

 **d)** Ý nghĩa chủ yếu của việc đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ là tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn, giải quyết việc làm. (Sai)

**Câu 8.** Cho thông tin sau:

 Mạng lưới sông ngòi Bắc Trung Bộ khá dày với nhiều lưu vực sông như: sông Mã, sông Chu, sông Cả, sông Gianh,... có giá trị về thuỷ lợi, du lịch và giao thông vận tải.

 **a)** Bắc Trung Bộ xây dựng được nhiều nhà máy thủy điện lớn trên các hệ thống sông chảy từ dãy Trường Sơn về phía biển. (Sai)

 **b)** Sông ngòi chủ yếu có hướng tây bắc - đông nam do ảnh hưởng của cấu trúc địa hình vùng núi phía tây. (Đúng)

 **c)** Khó khăn chủ yếu do hệ thống sông ngòi mang lại là lũ lên nhanh, rút rất chậm, tốc độ dòng chảy chậm gây ngập lụt nghiêm trọng ở ven biển. (Sai)

 **d)** Giải pháp để hạn chế tác động của dòng chảy sông ngòi gây ra vào mùa mưa là trồng rừng đầu nguồn, phát triển thủy lợi hợp lí. (Đúng)

**Câu 9.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng thủy sản ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ, năm 2021**

 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Bắc Trung Bộ** | **Duyên hải Nam Trung Bộ** |
| Nuôi trồng | 183,9 | 101,3 |
| Khai thác | 512,2 | 1169,2 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê Việt Nam, 2023)*

**a)** Sản lượng thủy sản của Duyên hải Nam Trung Bộ cao hơn Bắc Trung Bộ. (Đúng)

**b)** Tỉ trọng thủy sản khai thác ở Bắc Trung Bộ cao hơn Duyên hải Nam Trung Bộ. (Sai)

**c)** Duyên hải Nam Trung Bộ có sản lượng thủy sản khai thác cao do có nhiều ngư trường lớn, ít bão, tàu thuyền công suất lớn. (Đúng)

**d)** Bắc Trung Bộ có sản lượng thủy sản nuôi trồng cao hơn Duyên hải Nam Trung Bộ là do biển có nhiều cá tôm hơn. (Sai)

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

 Duyên hải Nam Trung Bộ là một bộ phận lãnh thổ của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; giáp với vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên; giáp với nước láng giềng Lào và Biển Đông rộng lớn. Lãnh thổ nằm gần tuyến hàng hải quốc tế, tạo cho Duyên hải Nam Trung Bộ nhiều tiềm năng, thế mạnh trong phát triển các ngành kinh tế biển.

 **a)** Kinh tế biển là tiềm năng nổi bật nhất trong phát triển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. (Đúng)

 **b)** Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn Bắc Trung Bộ trong khai thác hải sản do có nhiều ngư trường lớn. (Đúng)

 **c)** Điều kiện chủ yếu giúp Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là vùng biển rất ít khi có bão. (Sai)

 **d)** Khó khăn chủ yếu tác động đến ngành kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ là chịu ảnh hưởng lớn của áp thấp nhiệt đới, gió mùa Đông Bắc. (Sai)

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Duyên hải Nam Trung Bộ là một khu vực ven biển của Việt Nam với nhiều tài nguyên thiên nhiên phong phú. Vùng này có diện tích biển rộng lớn và nhiều ngư trường quan trọng. Bờ biển dài với nhiều vịnh sâu như Vân Phong, Cam Ranh và Đà Nẵng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển cảng biển và du lịch. Các bãi biển nổi tiếng như Nha Trang, Mũi Né, Non Nước và Mỹ Khê thu hút nhiều du khách. Khu vực này cũng có nhiều khu dự trữ sinh quyển và tài nguyên khoáng sản quý giá. Những yếu tố này tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển đa dạng của các ngành kinh tế biển trong vùng.

**a)** Duyên hải Nam Trung Bộ là khu vực ven biển có nhiều bãi biển nổi tiếng như Nha Trang và Mũi Né. (Đúng)

**b)** Các vịnh sâu như Vân Phong, Cam Ranh và Đà Nẵng ở Duyên hải Nam Trung Bộ có ý nghĩa chủ yếu cho phát triển du lịch. (Sai)

**c)** Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển đa dạng. (Đúng)

**d)** Sự phát triển của các ngành kinh tế biển tại Duyên hải Nam Trung Bộ phụ thuộc vào khả năng bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên trong khu vực này. (Đúng)

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

 Duyên hải Nam Trung Bộ có vùng biển rộng, với nguồn lợi thủy sản phong phú; có nhiều bãi cá, bãi tôm và ngư trường lớn (Ninh Thuận - Bình Thuận, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa ); hệ sinh thái vùng biển, đảo đa dạng; nhiều vũng, vịnh, đầm phá. Đây là tiềm năng lớn cho phát triển thủy sản với các hoạt động đánh bắt và nuôi trồng.

 **a)** Thế mạnh lớn nhất về tài nguyên thiên nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là tài nguyên biển. (Đúng)

 **b)** Vấn đề quan trọng trong ngành thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là khai thác hợp lí, bảo vệ nguồn lợi. (Đúng)

 **c)** Hoạt động sản xuất thủy sản có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho Duyên hải Nam Trung Bộ. (Đúng)

 **d)** Để nâng cao hiệu quả kinh tế ngành thủy sản, Duyên hải Nam Trung Bộ cần khai thác, nuôi trồng kết hợp với chế biến và mở rộng thị trường. (Đúng)

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế; đường bờ biển dài, nhiều vịnh nước sâu, kín gió; bờ biển có các bãi tắm đẹp, khí hậu thuận lợi; vùng biển có các ngư trường trọng điểm. Vùng biển và thềm lục địa có tiềm năng để phát triển công nghiệp khai thác dầu khí. Ven biển có nhiều điều kiện thuận lợi để sản xuất muối, khai thác cát thuỷ tinh và ôxit ti tan.

**a)** Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện để phát triển tổng hơp kinh tế biển. (Đúng)

**b)** Vùng biển và thềm lục địa Duyên hải Nam Trung Bộ có tiềm năng về dầu khí lớn lớn nhất nước ta. (Sai)

**c)** Các ngư trường lớn ở Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều thuận lợi để nuôi trồng thủy sản. (Sai)

**d)** Vấn đề ô nhiễm môi trường biển, suy giảm tài nguyên biển là thách thức lớn cho phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ. (Đúng)

**Câu 5.** Cho thông tin sau:

 Tài nguyên biển là một lợi thế lớn của Duyên hải Nam Trung Bộ. Đường bờ biển dài, điều kiện khí hậu thuận lợi đã tạo cho vùng có nguồn hải sản phong phú. Vùng có tổng trữ lượng hải sản lớn, với nhiều hải sản có giá trị như tôm he, tôm hùm, cá mú, cá ngừ, ngọc trai,,..

**a)** Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện nuôi nhiều loại hải sản có giá trị kinh tế cao. (Đúng)

**b)** Biện pháp nâng cao giá trị thủy sản nuôi trồng nước mặn của Duyên hải Nam Trung Bộ là mở rộng diện tích, đa dạng sản phẩm. (Sai)

**c)** Biện pháp để đẩy mạnh đánh bắt xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là tăng cường tàu thuyển, phương tiện hiện đại. (Đúng)

**d)** Sản xuất thủy sản có ý nghĩa quan trọng với Duyên hải Nam Trung Bộ trong việc tạo sản phẩm hàng hóa, giải quyết việc làm. (Đúng)

**KHAI THÁC THẾ MẠNH ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở TÂY NGUYÊN**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Tây Nguyên có khí hậu mang tính chất cận xích đạo gió mùa với mùa mưa và mùa khô rõ rệt, phù hợp đặc điểm sinh thái của nhiều loại cây công nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay do biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, mùa khô kéo dài, cộng thêm các công trình thủy lợi xuống cấp nên không đáp ứng đủ nước cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp nói chung và phát triển cây công nghiệp chủ lực nói riêng của vùng. Biến đổi khí hậu làm thay đổi quy luật thời tiết, từ đó gia tăng dịch bệnh hại cây trồng làm tăng chi phí sản xuất, tần suất mất mùa gia tăng. Vì vậy, sản xuất cây công nghiệp chủ lực ở Tây Nguyên thiếu ổn định, hiệu quả thấp và chưa bền vững.

**a)** Mùa khô kéo dài thuận lợi cho bảo quản nông sản ở Tây Nguyên. (Đúng)

**b)** Khí hậu của Tây Nguyên thuật lợi cho phát triển cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới. (Sai)

**c)** Biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất của cây công nghiệp ở Tây Nguyên. (Đúng)

**d)** Đầu tư nghiên cứu giống cây thích nghi với biến đổi khí hậu là giải pháp hiệu quả nhất trong việc chống hạn để phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên hiện nay. (Sai)

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

 Tây Nguyên có địa hình chủ yếu là các cao nguyên xếp tầng với độ cao khác nhau như các cao nguyên: Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk, Lâm Viên, Mơ Nông, Di Linh,... Bề mặt địa hình tương đối bằng phẳng. Tây Nguyên có diện tích đất badan lớn, thuận lợi cho quy hoạch vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn có mức độ tập trung cao.

 **a)** Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Tây Nguyên là đất feralit trên đá bazan. (Đúng)

 **b)** Tây Nguyên có thể hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm với quy mô lớn chủ yếu do khí hậu cận xích đạo, đất đai màu mỡ. (Sai)

 **c)** Khó khăn về tự nhiên với phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là mùa khô sâu sắc, kéo dài. (Đúng)

 **d)** Ngoài các cây công nghiệp nhiệt đới, Tây Nguyên có thể trồng chè chủ yếu do khí hậu có mùa đông lạnh. (Sai)

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

 Địa hình vùng Tây Nguyên chủ yếu là các cao nguyên và khối núi. Các cao nguyên có bề mặt khá bằng phẳng, rộng với đất đai màu mỡ, điển hình là đất đỏ badan thuận lợi cho quy hoạch phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn. Các khối núi cao như : Ngọc Linh, Chư Yang Sin, Bi Doup - Núi Bà... kết hợp với cảnh quan tự nhiên và khí hậu phân hóa theo độ cao tạo thuận lợi cho phát triển du lịch.

 **a)** Khí hậu và đất đai là các yếu tố khiến cho cơ cấu sản phẩm cây công nghiệp của Tây Nguyên khác với Trung du và miền núi Bắc Bộ. (Đúng)

 **b)** Việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên đã tạo ra khối lượng nông sản lớn cho xuất khẩu. (Đúng)

 **c)** Cơ cấu cây công nghiệp ở Tây Nguyên đa dạng chủ yếu do sự phân hóa của khí hậu và nhu cầu của thị trường. (Đúng)

**d)** Thuận lợi nhất của đất đỏ badan ở Tây Nguyên đối với việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm đất tốt, liên tục được bồi đắp. (Sai)

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Tây Nguyên là một trong những vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn của nước ta. Vùng có cơ cấu cây công nghiệp khá đa dạng, bao gồm cả cây công nghiệp nhiệt đới như cà phê, hồ tiêu, cao su, điều,... và cây công nghiệp cận nhiệt như chè.

**a)** Chè là cây công nghiệp cận nhiệt. (Đúng)

**b)** Cà phê là cây công nghiệp lâu năm quan trọng của Tây Nguyên. (Đúng)

**c)** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và phân hoá theo độ cao thuận lợi để Tây Nguyên đa dạng cơ cấu cây công nghiệp. (Sai)

**d)** Hiệu quả kinh tế trong sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên được nâng lên do đẩy mạnh chế biến và ứng dụng công nghệ, kĩ thuật. (Đúng)

**Câu 5.** Cho thông tin sau:

 Khí hậu của Tây Nguyên có tính chất cận xích đạo, có sự phân hóa theo mùa rõ rệt. Do ảnh hưởng của độ cao nên các khu vực địa hình trên 1 000 m có khí hậu mát mẻ. Vì thế, vùng có thể đa dạng hóa cây trồng có nguồn gốc nhiệt đới (cà phê, cao su, hồ tiêu,...), cây có nguồn gốc cận nhiệt (chè, cây dược liệu...) và phát triển du lịch.

 **a)** Cây công nghiệp lâu năm của Tây Nguyên chủ yếu là cây ưa nhiệt. (Đúng)

 **b)** Mùa khô sâu sắc kéo dài là nhân tố khó khăn chủ yếu cho sản xuất nông sản ở Tây Nguyên. (Đúng)

 **c)** Do có mưa vào thu đông nên Tây Nguyên cần phát triển thủy lợi hợp lí nhằm phát triển nông nghiệp hiệu quả. (Sai)

 **d)** Nguyên nhân đe dọa xói mòn đất nếu mất thực vật ở Tây Nguyên chủ yếu là do sự phân hóa mạnh giữa mùa khô kéo dài và mùa mưa. (Đúng)

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở ĐÔNG NAM BỘ**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Đông Nam Bộ có địa hình tương đối bằng phẳng. Đất badan và đất xám phù sa cổ chiếm khoảng 80% tổng diện tích tự nhiên của vùng. Ngoài ra, trong vùng còn có đất phù sa ở hạ lưu các sông Đồng Nai, Vàm Cỏ,…Đông Nam Bộ có khí hậu mang tính chất cận xích đạo, nền nhiệt cao, ít thay đổi trong năm, phân thành hai mùa mưa, khô rõ rệt.

**a)** Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Bộ thích hợp cho trồng cây công nghiệp. (Đúng)

**b)** Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Bộ thuận lợi cho phát triển các sản phẩm nông nghiệp cận nhiệt. (Sai)

**c)** Đông Nam Bộ có nhiệt độ trung bình năm cao, biên độ nhiệt năm thấp. (Đúng)

**d)** Mùa khô kéo dài do tác động của vị trí địa lí, gió và địa hình. (Đúng)

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

 Nằm trong khu vực chuyển tiếp giữa Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ có địa hình tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho quy hoạch phát triển kinh tế. Đất có hai nhóm chính là đất ba dan có diện tích khoảng 40% và đất xám phù sa cổ có diện tích khoảng 40%, thích hợp cho phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm (cao su, điều, hồ tiêu ) và cây ăn quả.

 **a)** Đông Nam Bộ là vùng có diện tích cây cao su lớn nhất cả nước. (Đúng)

 **b)** Hiện nay, Đông Nam Bộ là một trong những vùng trồng cây ăn quả lớn của cả nước. (Đúng)

 **c)** Mục đích của việc trồng cây ăn quả theo hướng tập trung với nhiều giống mới là sản xuất hàng hóa, đáp ứng thị trường, nâng cao giá trị. (Đúng)

 **d)** Khó khăn chủ yếu về mặt tự nhiên đối với sản xuất cây công nghiệp và cây ăn quả của Đông Nam Bộ là đất đai nghèo dinh dưỡng. (Sai)

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

 Vùng Đông Nam Bộ có hệ thống sông Đồng Nai, sông Vàm Cỏ và các hồ chứa như : Dầu Tiếng, Trị An,...có giá trị phát triển thủy điện, cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt. Nguồn nước nóng, nước khoáng (Bình Châu thuộc Bà Rịa - Vũng Tàu), thích hợp cho phát triển du lịch nghỉ dưỡng.

 **a)** Đông Nam Bộ có nguồn nước cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt dồi dào, nhiều nước quanh năm. (Sai)

 **b)** Cơ sở phát triển thủy điện của Đông Nam Bộ chủ yếu dựa trên hệ thống sông Đồng Nai. (Đúng)

 **c)** Khó khăn chủ yếu về nguồn nước của Đông Nam Bộ hiện nay là tình trạng ô nhiễm. (Sai)

 **d)** Giải pháp để sử dụng hiệu quả nguồn nước cho phát triển kinh tế và đời sống là tiết kiệm nước, xử lí ô nhiễm nước, phát triển thủy lợi. (Đúng)

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

 Tuy diện tích và trữ lượng rừng của vùng Đông Nam Bộ không lớn, song có giá trị cung cấp gỗ dân dụng, nguyên liệu giấy. Hệ thống rừng của vùng có giá trị bảo tồn tài nguyên sinh vật như: Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cẩn Giờ và các vườn quốc gia Nam Cát Tiên, Bù Gia Mập, Lò Gò - Xa Mát, Côn Đảo.

 **a)** Rừng ở Đông Nam Bộ phần lớn là rừng đặc dụng và rừng phòng hộ. (Đúng)

 **b)** Rừng sản xuất có vai trò chủ yếu cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến trong nước. (Sai)

 **c)** Rừng ngập mặn được trồng ven biển có vai trò chủ yếu là hạn chế tác động của gió Lào. (Sai)

 **d)** Giải pháp quan trọng để giữ mực nước ngầm và nước ở các hồ chứa của Đông Nam Bộ là bảo vệ và phát triển vốn rừng. (Đúng)

**Câu 5.** Cho thông tin sau:

Vùng Đông Nam Bộ cócông nghiệp phát triển với cơ cấu ngành đa dạng. Phát triển các ngành công nghiệp dựa trên lợi thế về tài nguyên và lao động như: công nghiệp khai thác dầu thô và khí tự nhiên, công nghiệp thực phẩm, dệt may, giày dép…, ngoài ra, vùng còn hình thành và phát triển các ngành công nghiệp mới, sử dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn và thân thiện với môi trường như sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính, cơ khí, chế tạo ô tô, sản xuất phần mềm.

**a)** Vùng Đông Nam Bộ có nhiều ngành công nghiệp. (Đúng)

**b)** Công nghiệp của vùng chỉ chú trọng phát triển các ngành có thế mạnh về tài nguyên và lao động. (Sai)

**c)** Đông Nam Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp. (Đúng)

**d)** Đông Nam Bộ đạt giá trị sản xuất công nghiệp cao bậc nhất nước. (Đúng)

**Câu 6.** Cho thông tin sau:

 Tài nguyên khoáng sản nổi bật và có giá trị nhất của vùng Đông Nam Bộ là dầu mỏ và khí tự nhiên ở thềm lục địa thuộc các bể trẩm tích Cửu Long, Nam Côn Sơn. Ngoài ra, trong vùng còn có bô-xít, các khoáng sản vật liệu xây dựng như sét, cao lanh, đá xây dựng và ốp lát, cát trắng,..

 **a)** Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về sản lượng dầu khí. (Đúng)

 **b)** Dầu khí ở Đông Nam Bộ phân bố chủ yếu ở vùng bờ biển thuộc đất liền. (Sai)

 **c)** Tài nguyên khoáng sản rất đa dạng, phong phú là nguyên nhân chính giúp cơ cấu công nghiệp của Đông Nam Bộ đa dạng. (Sai)

 **d)** Khó khăn chủ yếu trong phát triển khai thác và chế biến khoáng sản ở Đông Nam Bộ là thiếu cơ sở năng lượng, vốn đầu tư ít. (Sai)

**Câu 7.** Cho thông tin sau:

 Đông Nam Bộ có vùng biển và thềm lục địa rộng lớn, giàu tài nguyên, gần các ngư trường lớn, có các đảo, bãi tắm và phong cảnh đẹp thuận lợi cho phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.

 **a)** Các ngành kinh tế biển giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế của vùng Đông Nam Bộ. (Đúng)

 **b)** Hoạt động du lịch biển phát triển quanh năm chủ yếu do khí hậu cận xích đạo, có nhiều bãi biển đẹp, hạ tầng tốt. (Đúng)

 **c)** Phát triển các ngành kinh tế biển có ý nghĩa chủ yếu là thay đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, sự phân hóa lãnh thổ. (Đúng)

 **d)** Giải pháp đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là khai thác triệt để các loại tài nguyên phục vụ sản xuất. (Sai)

**SỬ DỤNG HỢP LÍ TỰ NHIÊN ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

 Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, địa hình thấp, bằng phẳng, thuận lợi cho canh tác nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác. Vùng có ba loại đất chính: Đất phù sa sông có diện tích khoảng hơn 1 triệu ha, phân bố dọc sông Tiền, sông Hậu, là loại đất tốt, màu mỡ, thích hợp trồng lúa và các loại cây trồng khác. Đất phèn có hơn 1,6 triệu ha, đất mặn có gần 1 triệu ha.

 **a)** Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là đất mặn. (Sai)

 **b)** Diện tích đất phèn, đất mặn lớn gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long. (Đúng)

 **c)** Để đáp ứng nhu cầu sản xuất của ngành trồng trọt, giải pháp quan trọng nhất là cải tạo đất cho Đồng bằng sông Cửu Long. (Đúng)

 **d)** Giải pháp quan trọng nhất để cải tạo đất ở Đồng bằng sông Cửu Long là sử dụng các loại phân bón thích hợp, bổ sung dinh dưỡng cho đất. (Sai)

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Tính từ cuối năm 2015 đến nay, nhiều địa phương ở Đồng bằng sông Cửu Long đã bị nhiễm mặn, trong đó đã có 11/13 tỉnh/thành công bố tình trạng thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn. Những thay đổi nguồn nước từ thượng nguồn sông Mê Kông hay những tác động khác như nhiệt độ tăng, nước biển dâng, lũ lụt, khô hạn, xâm nhập mặn và xói lở đất,...đã làm cho vùng này đứng trước nhiều nguy cơ và thách thức. Dưới tác động đó, Đồng bằng sông Cửu Long ước tính hàng trăm nghìn ha đất khô hạn, sản lượng lương thực và năng suất cây trồng có nguy cơ giảm sút lớn, đe dọa tới an ninh lương thực của quốc gia.

**a)** Đồng bằng sông Cửu Long chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu. (Đúng)

**b)** Diện tích rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long giảm nhanh do tình trạng nhiễm mặn. (Sai)

**c)** Nước biển dâng cao là một trong những nguyên nhân làm cho Đồng bằng sông Cửu Long bị xâm nhập mặn sâu. (Đúng)

**d)** Giải pháp quan trọng để ứng phó nguy cơ hạn mặn, thiếu nước ở Đồng bằng sông Cửu Long là phát triển hệ thống thủy lợi, thay đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp. (Đúng)

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

 Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng châu thổ lớn nhất nuớc ta, được bồi tụ phù sa bởi hệ thống sông Mê Công và phù sa biển. Vùng có quỹ đất lớn với các nhóm đất chính: nhóm đất phù sa sông phân bố ven sông Tiền, sông Hậu; nhóm đất phèn ở vùng Đồng Tháp Muời, vùng trũng Cà Mau,...; nhóm đất mặn ở vành đai ven biển.

 **a)** Đồng bằng sông Cửu Long được bồi tụ bởi phù sa sông trên cơ sở có vịnh biển nông và thềm lục địa mở rộng. (Đúng)

 **b)** Biện pháp hàng đầu để cải tạo đất ở Đồng bằng sông Cửu Long là sử dụng hợp lí nước ngọt. (Đúng)

 **c)** Vấn đề nước ngọt đặc biệt quan trọng với Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do vùng có một mùa khô sâu sắc kéo dài. (Đúng)

 **d)** Đất nông nghiệp chiếm tỉ lệ cao ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do đồng bằng rộng lớn, dân cư đông. (Sai)

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

 Khí hậu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long mang tính chất cận xích đạo. Nhiệt độ trung bình trên 25°c, biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ, số giờ nắng cao; lượng mưa trung bình năm khoảng 1 500 - 2 000 mm. Khí hậu thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp nhiệt đới, có tiềm năng phát triển điện gió, điện mặt trời.

 **a)** Khí hậu của Đồng bằng sông Cửu Long phân thành hai mùa mưa và khô rõ rệt. (Đúng)

 **b)** Sản phẩm nông nghiệp của Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là các loài nhiệt đới và cận xích đạo. (Đúng)

 **c)** Có nhiều vùng trũng rộng lớn là nguyên nhân khiến Đồng bằng sông Cửu Long bị xâm nhập mặn gay gắt. (Sai)

 **d)** Vào mùa khô, tình trạng thiếu nước là nguyên nhân chủ yếu khiến sâu bệnh phát triển phá hoại mùa màng ở Đồng bằng sông Cửu Long. (Sai)

**Câu 5.** Cho thông tin sau:

 Khí hậu Đồng bằng sông Cửu Long có tính chất cận xích đạo, phân hoá theo mùa khô và mưa rõ rệt. Đây là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của nhiều ngành kinh tế, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp và du lịch.

 **a)** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là mùa khô kéo dài, gia tăng nhiễm mặn, nhiễm phèn. (Đúng)

 **b)** Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất của biến đổi khí hậu toàn cầu. (Đúng)

 **c)** Để ứng phó với biến đổi khí hậu, Đồng bằng sông Cửu Long cần tích cực luân canh, khai thác rừng ngập mặn. (Sai)

 **d)** Biến đổi khí hậu tác động tới Đồng bằng sông Cửu Long là xâm nhập mặn sâu, mùa khô kéo dài, sạt lở gia tăng. (Đúng)

**Câu 6.** Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH LÚA MỘT SỐ VÙNG NƯỚC TA, NĂM 2017, 2020 VÀ 2021

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

**a)** Trung du và miền núi Bắc Bộ giảm nhiều hơn Đồng bằng sông Cửu Long .(Sai)

**b)** Đồng bằng sông Cửu Long giảm chậm hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ.(Sai)

**c)** Đồng bằng sông Hồng giảm chậm hơn Đồng bằng sông Cửu Long.(Sai)

**d)** Đồng bằng sông Cửu Longgiảm nhiều hơn Đồng bằng sông Hồng.(Đúng)

**Câu 7.** Cho thông tin sau:

 Đồng bằng sông Cửu Long có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc, hệ thống sông Cửu Long với 2 nhánh lớn là sông Tiền và sông Hậu. Sông ngòi có vai trò quan trọng về thuỷ lợi, giao thông đường sông và phát triển du lịch.

 **a)** Bề mặt Đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt nên bị chia thành nhiều ô nhỏ. (Đúng)

 **b)** Mạng lưới sông ngòi ở Đồng bằng sông Cửu Long còn có tiềm năng thủy điện lớn, cung cấp năng lượng cho vùng. (Sai)

 **c)** Nguồn nước ngọt có vai trò chủ yếu với Đồng bằng sông Cửu Long là thau chua, rửa mặn đất đai, phục vụ sinh hoạt. (Đúng)

 **d)** Dọc theo các hệ thống sông của Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay đang chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của hiện tượng sạt lở. (Đúng)

**Câu 8.** Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng châu thổ xa nhất về phía Nam của Việt Nam có diện tích khoảng 40,9 nghìn km2. Có địa hình thấp, bằng phẳng; khí hậu mang tính chất cận xích đạo; mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc. Với vùng biển rộng, nhiều đảo, nổi bật là đảo Phú Quốc.

**a)** Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta. (Đúng)

**b)** Đồng bằng sông Cửu Long không thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển. (Sai)

**c)** Đặc điểm vị trí địa lí, khí hậu và địa hình của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là nguyên nhân chủ yếu làm tăng diện tích đất phèn, đất mặn. (Đúng)

**d)** Biến đổi khí hậu làm gia tăng hậu quả của hạn hán và quá trình xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long. (Đúng)

**Câu 9.** Cho thông tin sau:

 Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc, có hai nhánh sông chính (sông Tiền và sông Hậu) của hệ thống sông Cửu Long với nguồn nước dồi dào, chế độ nước điều hoà là nguồn cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, phát triển nuôi trồng thuỷ sản và hoạt động du lịch. Hơn nữa, địa hình thấp, cắt xẻ nhiều tạo nên nhiều vùng trũng rất thuận lợi cho phát triển nuôi trồng thuỷ sản.

 **a)** Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có diện tích nuôi thủy sản lớn nhất nước ta. (Đúng)

 **b)** Đồng bằng sông Cửu Long nuôi thủy sản nước ngọt, nước lợ và cả thủy sản nước mặn. (Đúng)

 **c)** Khó khăn đối với nuôi thủy sản nước ngọt của Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là tình trạng xâm nhập mặn lấn sâu. (Đúng)

 **d)** Để khắc phục khó khăn về tự nhiên với nuôi thủy sản, Đồng bằng sông Cửu Long cần khai thác tối đa diện tích rừng ngập mặn để nuôi thủy sản. (Sai)

**Câu 10.** Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long có tài nguyên du lịch phong phú. Khách du lịch và doanh thu du lịch có xu hướng tăng đều từ 2015 đến 2019, năm 2020, 2021 giảm nhưng hiện nay đang dần phục hồi trở lại. Loại hình du lịch đặc trưng là du lịch sinh thái, sông nước, nghỉ dưỡng biển đảo và văn hóa lễ hội.

**a)** Loại hình du lịch đặc trưng của Đồng bằng sông Cửu Long là kiến trúc, nghệ thuật. (Sai)

**b)** Số lượt khách du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ 2015 đến nay rất ổn định (Sai)

**c)** Lượng khách du lịch năm 2020, 2021 giảm là do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19. (Đúng)

**d)** Yếu tố tạo bước đột phá trong phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long là chính sách ưu đãi và thu hút đầu tư. (Đúng)